**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MAI SƠN**
**TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 168/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v Ly hôn giữa ạnh B và chị G

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nông Văn Thịnh
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Bà Hoàng Thị Ạt
Ông Cầm Văn Tổ

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX- ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Hà Thị G, sinh năm 1988. Nơi cư trú cuối cùng: Tiểu khu 3, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc B trình bày:*

Anh và chị Hà Thị G kết hôn với nhau từ năm 2012 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và đã được Uỷ ban nhân dân thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2012. Khi kết hôn anh và chị G đủ điều kiện kết hôn theo quy định của

pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được năm năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính tình không hòa hợp, chị G không quan tâm đến chồng. Đến đầu năm 2017, chị G tự ý bỏ nhà đi, anh chị sống ly thân cho đến nay. Từ khi sống ly thân, chị G cố tình không cho anh biết địa chỉ nơi cư trú mới, xác nhận đã có tình cảm với người khác và không quay đoàn tụ với anh nữa. Hiện anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G đã không thể hàn gắn được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C sinh ngày 14/4/2012. Từ khi sống ly thân chị G mang theo cháu C, chị G cũng không cho biết hiện hai mẹ con đang cư trú ở đâu nên về con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết tại thời điểm có yêu cầu ly hôn.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện MS tiến hành tống đạt văn bản tố tụng triệu tập chị G đến Tòa án để làm việc, niêm yết công khai tại nơi cư trú hợp pháp và theo yêu cầu của anh B thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh B và chị G. Tuy nhiên chị G không có mặt, trốn tránh, gây khó khăn cho việc yêu cầu xin ly hôn của anh B.

Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung để giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc B và chị Hà Thị G. Kết quả xác minh đối với Ban quản lý tiểu khu 3, thị trấn HL, huyện MS và mẹ đẻ anh Nguyễn Ngọc B xác định:

Về tình cảm: Anh B, chị G kết hôn với nhau từ năm 2012, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau cùng bố mẹ đẻ anh B tại tiểu khu 3, thị trấn HL rồi ra thuê nhà ở riêng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đến đầu năm 2017, chị G đã tự mang con đi khỏi nhà chồng, không cho ai biết địa chỉ cụ thể. Anh B và gia đình đã nhiều lần đi tìm kiếm và liên lạc với chị G nhưng chị G chỉ nói đã có tình cảm với người khác và không sống chung với anh B nữa. Kể từ khi sống ly thân, chị G không có thiện chí quay lại đoàn tụ cùng anh B hay có mặt tại Tòa để giải quyết ly hôn mặc dù có biết sự việc. Về con chung: Anh B, chị G có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 14/4/2012, chị G vẫn đang nuôi cháu từ khi ly thân. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh B, chị G sống cùng bố mẹ đẻ anh B, sau đó ra thuê nhà ở riêng, không có có tài sản gì chung có giá trị. Anh chị không có khoản nợ chung nào tại địa phương.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56; Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc B đối với chị Hà Thị G. Về con chung: Tạm giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C sinh ngày 14/4/2012 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, việc cấp dưỡng và thăm gặp con sẽ được giải quyết khi các đương sự có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

***[1] Về tố tụng:*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc B đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú hợp pháp của bị đơn chị Hà Thị G trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, chị G cố tình không có mặt tại Tòa, giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc ly hôn của nguyên đơn, việc thay đổi nơi cư trú không thông báo địa chỉ cho chính quyền địa phương và anh B biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện MS đã tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng hai lần tại nơi cư trú cuối cùng đối với chị G tại nơi cư trú nhưng chị G vắng mặt không có lý do. Theo yêu cầu của anh B, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hết thời hạn thông báo chị G vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 189; Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Xác định bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần hai nên Tòa án căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định chung.

***[2] Về yêu cầu xin ly hôn:***

*[2.1] Về hôn nhân:*

Anh Nguyễn Ngọc B và chị Hà Thị G tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2012. Anh chị đã được UBND thị trấn HL, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2012 (số 42, quyển số 02/2012). Khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 5 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do khó khăn về kinh tế, chị G tự ý mang con bỏ đi khỏi nhà chồng, không cho anh B và gia đình biết nơi cư trú cụ thể từ đầu năm 2017. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị G biết việc yêu cầu xin ly hôn của anh B tại Tòa án nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mâu thuẫn chính giữa hai vợ chồng là do chị G tự ý bỏ nhà đi không có nơi ở cụ thể, không quan tâm đến chồng, cũng không cho anh B biết hiện đang ở đâu.Tại phiên tòa, anh B giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với chị G. Tòa án đã tiến hành tống đạt và thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án, và thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho chị G biết nhưng chị G cố tình vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã sống ly thân thời gian đã lâu, tình cảm vợ chồng giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, xử cho anh B được ly hôn với chị G.

*[2.2] Về con chung:* Anh B, chị G có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 14/4/2012. Từ khi sống ly thân, chị G mang theo cháu C, hiện cháu vẫn đang ở với chị G. Tại phiên tòa, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho con chung của vợ chồng khi ly hôn Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu C theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn sẽ được giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

*[2.3] Về tài sản chung:* Từ khi kết hôn, anh B, chị G sống cùng bố mẹ đẻ anh B không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình, anh chị không có tài sản chung gì khác có giá trị.

*[2.4] Về nợ chung:* Anh chị không vay nợ ai cũng không cho ai vay mượn.

*[2.5] Về án phí:* Anh B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc B và chị Hà Thị G.

2. Về con chung:

Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 14/4/2012 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo C thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết khi các đương sự có yêu cầu. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở quyền này theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có

4. Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04817 ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn HL;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Văn Thịnh**